

Bản án số: 58/2025/HS-PT.  
Ngày: 10/6/2025.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Bà Trương Tố Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tân Thành - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/TLPT-HS ngày 28/4/2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị Mỹ N; Sinh ngày: 01/01/1981; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị H; Có chồng là ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2012, người con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2024 cho đến nay. (có mặt)

2. Đặng Thị Thanh T; Sinh ngày: 10/02/1979; Nơi sinh: Tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nơi tạm trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Đ và bà Võ Thị R; Có chồng là ông Phan Thanh H1, sinh năm 1977 và 01 người con, người con lớn sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2024 cho đến nay. (có mặt)

3. Trần Văn Ú; Sinh ngày: 01/01/1960; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H2 và bà Nguyễn Thị P; Có vợ là bà Đỗ Thị H3, sinh năm 1967 và 04 người con, người con lớn nhất sinh năm 1987, người nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2024 cho đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị cáo Lê Văn D, Trần Văn S, Lê Thị D1, Nguyễn Thị N2; Người làm chứng Nguyễn Thị C, Trần Bé B, Đặng Thị S1, Trần Thị C1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 14 giờ 20 ngày 19/7/2024, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra tại căn nhà của Nguyễn Thị Mỹ N ở ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, phát hiện bắt quả tang nhiều người tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền. Qua quá trình xác minh, điều tra, Cơ quan điều tra xác định như sau: Vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, N đang ở nhà thì có Lê Văn D, Dương Thị C2, Trần Văn Ú, Đặng Thị Thanh T, Trần Văn S, Trần Bé B, Lê Thị D1, Nguyễn Thị N2, Đặng Thị S1, Trần Thị C1 và một số người khác đến chơi. Lúc này, N lấy 01 chiếc chiếu và để 01 bộ bài tây 52 lá ở trên chiếu cho những người đánh bạc. Sau đó, những người tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài binh 06 lá được thua bằng tiền, N sẽ thu tiền xâu của những người thắng. Bộ bài tây sử dụng để đánh bạc được bỏ đi 12 lá bài tây, còn lại 40 lá bài. Các bị cáo thỏa thuận làm cái xoay vòng, mỗi tụ làm cái 03 ván thì chuyển cho tụ khác. Lúc đầu, D là người làm cái, còn S và Ú đặt tụ, sau đó T vào tham gia đặt thêm 01 tụ. Tụ bài của D và Ú đối diện nhau, tụ bài S ở bên trái D, tụ bài T ở bên phải D, những người còn lại không có tụ thì ngồi xung quanh ké thanh. D mở cược tối đa cho từng tụ bài là 100.000 đồng không kể ké thanh. Sau đó, D tiếp tục làm cái, còn T, Ú và S đặt tụ. N2 và D1 ké thanh vào tụ bài của S. Bé B và C1 có mặt nhưng chưa tham gia đặt cược. C2 cũng tham gia được một số ván trước dưới hình thức ké thanh từ số tiền 20.000 đồng đến 30.000 đồng vào tụ của D nhưng đã nghỉ. Các ván bài diễn ra và những người thắng đã đưa cho N được tổng cộng tiền xâu là 40.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi vừa kết thúc ván bài, đến lượt bị cáo Ú làm cái, chuẩn bị chơi tiếp thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang. Cơ quan điều tra chứng minh số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.926.000 đồng, cụ thể gồm: Tiền Việt Nam là 160.000 đồng thu giữ tại hiện trường và xung quanh khu vực đánh bạc (là tiền dùng đánh bạc của những người đánh bạc đã kịp bỏ chạy); tiền thu giữ trên người dùng vào việc đánh bạc gồm thu của D là 680.000 đồng, T là 1.040.000 đồng, Ú là 2.900.000 đồng, S là 400.000 đồng, D1 là 106.000 đồng, N2 là 600.000 đồng và N thu tiền xâu được 40.000 đồng.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N và Đặng Thị Thanh T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s, điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn Ú.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Lê Văn D, Trần Văn S và Nguyễn Thị N2.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s, điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị D1.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T, Trần Văn Ú, Lê Văn D, Trần Văn S, Lê Thị D1 và Nguyễn Thị N2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh T 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/3/2025.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn S 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/3/2025.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị D1 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/3/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N2 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/3/2025.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về việc giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát, giáo dục đối với bị cáo được hưởng án treo, hậu quả pháp lý của người hưởng án treo khi vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

\* Ngày 01/4/2025, bị cáo Trần Văn Ú kháng cáo xin hưởng án treo.

\* Ngày 02/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N kháng cáo xin hưởng án treo.

\* Ngày 09/4/2025, bị cáo Đặng Thị Thanh T kháng cáo xin hưởng án treo.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), riêng bị cáo Trần Văn Ú áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú, mỗi bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Ngoài ra, không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ các bị cáo được hưởng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Xét các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú đều bị xử phạt tù dưới 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện để được xem xét có thể cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo N mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo N là người cung cấp địa điểm, dụng cụ cho các bị cáo khác đánh bạc và bị cáo thu tiền xâu; đối với các bị cáo Trần Văn Ú và Đặng Thị Thanh T là người tham gia đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc nhiều nhất. Các bị cáo N, T và Ú là người giữ vai trò chính trong vụ án nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho các bị cáo N, T và Ú hưởng án treo. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn Ú lập ngày 31/3/2025 và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 01/4/2025; Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 02/4/2025; Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Thanh T lập ngày 08/4/2025 và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm ngày 09/4/2025, là đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Căn cứ vào các điều 342 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú, về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú như sau: Vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, tại căn nhà của Nguyễn Thị Mỹ N ở ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo N đã cung cấp 01 chiếc chiếu, 01 bộ bài tây 52 lá cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép được thua bằng tiền và bị cáo N thu tiền xâu. Những người tham gia đánh bạc trái phép theo hình thức chơi bài binh 06 lá được thua bằng tiền, thỏa thuận làm cái xoay vòng, mỗi tụ làm cái 03 bàn thì chuyển sang tụ khác làm cái. Lúc đầu, Lê Văn D là người làm cái, còn Trần Văn S và Trần Văn Ú đặt tụ, sau đó Đặng Thị Thanh T vào tham gia đặt thêm 01 tụ, những người còn lại gồm Lê Thị D1, Nguyễn Thị N2, Dương Thị C2 không có tụ thì ngồi xung quanh kè thanh. D mở cuộc tối đa cho từng tụ bài là 100.000 đồng không kể kè thanh. Các ván bài tiếp tục diễn ra, N đã thu xâu của những người thắng được số tiền là 40.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến lượt bị cáo Ú làm cái thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang các bị cáo đang có hành vi đánh bạc. Cơ quan điều tra chứng minh được tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.926.000 đồng. Đối với Dương Thị C2 có tham gia chơi đánh bạc nhưng đã nghỉ trước khi Công an bắt quả tang chiếu bạc, không xác định được số tiền dùng để đánh bạc, không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C2. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T, Trần Văn Ú, Lê Văn D, Trần Văn S, Lê Thị D1 và Nguyễn Thị N2 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là **có căn cứ, đúng pháp luật**.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, về việc xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo N mức án 06 tháng tù là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo N bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, mặc dù bị cáo N không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác nhưng bị cáo là

người giữ vai trò chính trong vụ án, chính bị cáo là người cung cấp địa điểm, dụng cụ cho các bị cáo khác đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc nhóm hành vi tổ chức đánh bạc nhưng do không đủ các yếu tố pháp lý khác nên chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm. Việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Ú và Đặng Thị Thanh T, về việc xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo Ú và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Ú và T là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); riêng bị cáo Ú là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này, khi đánh bạc, các bị cáo thỏa thuận làm cái xoay vòng để được thua bằng tiền với nhau, trong đó bị cáo Ú và bị cáo T là những người có số tiền cá nhân sử dụng để đánh bạc nhiều nhất chiếu bạc (lần lượt là 2.430.000 đồng và 1.000.000 đồng) nên các bị cáo Ú và Thúy giữ vai trò chính trong vụ án. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội, vai trò trong vụ án, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo Ú và T, mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ các bị cáo được hưởng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Xét các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong vụ án này, các bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án nên cần phải xử lý nghiêm, việc cho các bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho các bị cáo hưởng án treo.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú, về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N, Đặng Thị Thanh T và Trần Văn Ú của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Thị Thanh T.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s, điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn Ú.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo Đặng Thị Thanh T chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo Trần Văn Ú chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

6. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GD, KT I-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện L (02);
- VKSND huyện L (01);
- CQĐT-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS huyện L (01);
- UBND xã L, huyện L (03);
- Công an xã L, huyện L (03);
- Bị cáo (03);
- P.TTr, KT & THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Vũ**